0.a. Goal

Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 4.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng (Mục tiêu 4.1 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 4.1.1. Tỷ lệ học sinh đi học cấp tiểu học

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

- Chủ trì: Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Phối hợp: Tổng cục Thống kê.

2.a. Definition and concepts

Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp tiểu học là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh đang học cấp tiểu học so với tổng dân số ở độ tuổi từ 6-10 tuổi.

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp tiểu học là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh từ 6-10 tuổi đang học cấp tiểu học so với tổng dân số trong độ tuổi từ 6-10 tuổi.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

- Số học sinh đang học cấp tiểu học năm học t; số học sinh trong độ tuổi từ 6-10 tuổi đang học tiểu học năm t: Chế độ báo cáo thống kê do bộ Giáo dục và Đào tạo
ban hành;

- Dân số trong độ tuổi từ 6-10 tuổi: Điều tra thống kê.

3.b. Data collection method

- Số học sinh đang học cấp tiểu học năm học t; số học sinh trong độ tuổi từ 6-10 tuổi đang học tiểu học năm t: được tổng hợp từ biểu mẫu 02-TH-ĐN, chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Định kỳ, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thu thập thông tin trong biểu mẫu 02-TH-ĐN và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Dân số trong độ tuổi từ 6-10 tuổi: Thu thập qua các cuộc điều tra dân số của Tổng cục Thống kê.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp số liệu về số học sinh đang học cấp tiểu học năm học t; số học sinh trong độ tuổi từ 6-10 tuổi đang học tiểu học năm t và số liệu dân số trong độ tuổi từ 6-10 tuổi từ Tổng cục Thống kê để tính toán chỉ tiêu này.

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Bộ Giáo dục và Đào tạo

3.f. Data compilers

Bộ Giáo dục và Đào tạo

4.a. Rationale

Số liệu của chỉ tiêu là cơ sở cho công tác lập kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, trường lớp, phòng học và giáo viên phù hợp với cấp tiểu học. Đây là một trong những chỉ tiêu thống kê quan trọng để đánh giá hiện trạng và tình hình giáo dục cấp tiểu học, làm căn cứ để tính nhiều chỉ tiêu thống kê có liên quan đến mức độ phổ cập giáo dục trên phạm vi cả nước.

4.b. Comment and limitations

Tổng cục Thống kê đã tính toán và công bố chỉ tiêu này theo Kết quả Khảo sát Mức sống dân cư Việt Nam:

- Số liệu có sẵn 2 năm/lần từ 2010-2018 và có sẵn cho phân tổ chung/đúng tuổi; giới tính; dân tộc; thành thị/nông thôn; vùng.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ học sinh đi học chung cấp tiểu học năm học t (\%)} = \frac{\text{Số học sinh đang học cấp tiểu học năm học t}}{\text{Dân số trong độ tuổi từ 6-10 trong năm học t}} \times 100$$

- Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp tiểu học là tỷ lệ phần trăm giữa số học sinh từ 6-10 tuổi đang học cấp tiểu học so với tổng dân số trong độ tuổi từ 6-10 tuổi.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp tiểu học năm học t (\%)} = \frac{\text{Số học sinh trong độ tuổi từ 6-10 tuổi đang học tiểu học năm học t}}{\text{Dân số trong độ tuổi từ 6-10 tuổi trong năm học t}} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

Hiện tại, Bộ Giáo dục và đào tạo chưa báo cáo chỉ tiêu này.

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu "Tỷ lệ học sinh đi học cấp tiểu học" là một trong những chỉ tiêu của Việt Nam để biểu hiện cho chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu "**4.1.1:** Proportion of children and young people: (a) in grades 2/3; (b) at the end of primary; and (c) at the end of lower secondary achieving at least a minimum proficiency level in (i) reading and (ii) mathematics, by sex".

Tuy nhiên chỉ tiêu không bảo đảm tính so sánh toàn cầu do nội dung, phạm vi, phương pháp tính toán của Việt Nam không giống chuẩn toàn cầu.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Kết quả Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.

- https://unstats.un.org/sdgs/metadata/